

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/DS - ST
Ngày: 23/10/2019
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Nhân

Ông Phạm Văn Huynh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đường Hạc Vương Dung – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 153/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty tài chính C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Bà Phạm Thị Mỹ H – Chức vụ: Trưởng nhóm tổ tụng thu hồi nợ pháp lý Trung tâm thu hồi nợ VPB FC.

Văn bản ủy quyền số 80/UQ-VH.18 ngày 13 tháng 6 năm 2018.

Cùng địa chỉ: Tầng H, tòa nhà R, Số C, Đoàn Văn B, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Anh Vi Văn C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: đường Nguyễn Huy T, phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền số 585/UQTA-VH.18 ngày 28/11/2018.

- Bị đơn: Chị Bùi Kim T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ H, Khu B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(Anh C, chị T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2019, các lời khai tại hồ sơ nguyên đơn do anh Vi Văn C đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 09/01/2016 chị Bùi Kim T có ký hợp đồng tín dụng số 20160113-500000-2827 với Công ty tài chính C, vay số tiền 47.475.000đ (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) với lãi suất thoả thuận 2.92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, chị Bùi Kim T có trách nhiệm thanh toán số tiền 78.439.000đ (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.148.000đ, tháng cuối cùng trả 3.259.000đ, bắt đầu từ ngày 22/01/2016.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính C 11 lần với tổng số tiền đã trả là 23.628.000đ. Kể từ ngày 19/04/2018 đến nay, chị Bùi Kim T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Trong quá trình khởi kiện tại tòa, chị T có trả cho công ty được 2 lần với tổng số tiền là 4.296.000đ. Do vậy, Công ty chỉ yêu cầu chị T trả số tiền nợ vay gốc là 32.852.069đ.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Công ty tài chính C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Bùi Kim T thanh lý hợp đồng trả một lần cho công ty toàn bộ số tiền nợ gốc là 32.852.069đ. Đồng thời, yêu cầu chị T phải trả lãi chậm thanh toán theo lãi suất hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận khi bản án quyết định của Tòa có hiệu lực.

Trước đây tại đơn khởi kiện Công ty yêu cầu chị T phải trả khoản nợ lãi là 17.662.931đ nay công ty không yêu cầu.

Công ty xác định chỉ khởi kiện chị T, không khởi kiện chồng chị T vì không liên quan đến việc vay tiền.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2019 và đơn đề nghị ngày 07/10/2019, bị đơn chị Bùi Kim T trình bày:

Vào năm 2016 chị có ký hợp đồng tín dụng vay của Công ty tài chính C theo giấy đề nghị vay vốn kim hợp đồng tín dụng số 20160113-500000-2827

Số tiền vay là 47.475.000đ (trong đó, khoản vay tiêu dùng là 45.000.000đ, phí bảo hiểm là 2.475.000đ)

Thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất là 35%/năm, 2,92%/tháng.

Mục đích vay tiêu dùng là để sửa nhà.

Thời hạn trả tiền nợ vay là 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền là 2.148.000đ, tháng cuối cùng trả số tiền 3.259.000đ, bắt đầu từ ngày 22/01/2016.

Tổng số tiền chị phải trả cho Công ty tài chính C là 78.439.000đ, trong đó bao gồm gốc và lãi.

Chị đã nhận đủ tiền vay từ ngân hàng và trả được trong vòng 11 tháng số tiền là 23.628.000đ. Từ ngày 19/4/2018 đến nay vì điều kiện khó khăn nên chị không tiếp tục trả tiền nợ vay cho Công ty tài chính C.

Tuy nhiên, vào ngày 13/8/2019 và ngày 12/9/2019 chị đã trả cho Công ty tài chính C được số tiền là 4.296.000đ. Nay chị xác định còn nợ lại Công ty tài chính C số tiền là 50.515.000đ và đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính C yêu cầu chị trả số tiền nợ vay là 50.515.000đ, trong đó gốc là 32.852.069đ, lãi là 17.662.931đ chị đồng ý. Tuy nhiên, Công ty tài chính C đề nghị chị trả tiền mặt 01 lần chị không đồng ý vì chị không có khả năng, chị đề nghị được trả hàng tháng.

Khi chị vay chỉ có 01 mình chị đứng ra vay không liên quan đến chồng chị. Đồng thời, vì lý do bận công việc nên chị xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải, phiên họp, xét xử của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Bùi Kim T phải thanh toán cho Công ty tài chính C số tiền nợ vay gốc là 32.852.069đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty tài chính C khởi kiện yêu cầu chị Bùi Kim T, địa chỉ: Tổ H, Khu M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai thanh toán một lần tổng số tiền nợ vay gốc là 32.852.069đ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn do anh Vi Văn C đại diện theo ủy quyền và bị đơn chị Bùi Kim T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C, chị T.

[3] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự xác định ngày 09/01/2016 chị Bùi Kim T có ký hợp đồng tín dụng số 20160113-500000-2827 với Công ty tài chính C, vay số tiền 47.475.000đ, lãi suất thỏa thuận 2.92%/tháng, mục đích vay tiêu dùng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, chị Bùi Kim T có trách nhiệm thanh toán số tiền 78.439.000đ (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.148.000đ, tháng cuối

cùng trả 3.259.000đ, bắt đầu từ ngày 22/01/2016. Sau khi ký hợp đồng chị T đã nhận đủ số tiền nợ vay và thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong vòng 11 tháng với số tiền là 23.628.000đ. Kể từ ngày 19/4/2018 đến nay chị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo như hợp đồng tín dụng. Trong quá trình khởi kiện tại tòa, chị T có trả cho công ty được 2 lần với tổng số tiền là 4.296.000đ. Công ty tài chính C khởi kiện yêu cầu chị T trả một lần số tiền nợ vay gốc là 32.852.069đ và trả lãi chậm thanh toán theo lãi suất hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận khi bản án, quyết định của Tòa có hiệu lực. Chị T thừa nhận sự việc vay, trả tiền nợ vay và đồng ý trả tiền nhưng không đồng ý trả một lần theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị được trả góp hàng tháng.

Xét hợp đồng tín dụng số 20160113-500000-2827 giữa Công ty tài chính C với chị Bùi Kim T được lập trên tinh thần tự nguyện, đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên áp dụng các quy định của Bộ luật này theo Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nhận thấy, các đương sự đều thống nhất ý kiến về quá trình ký kết hợp đồng tín dụng, thỏa thuận vay tiền. Tuy nhiên, chị T đã vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Bùi Kim T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty tài chính C số tiền nợ vay gốc là 32.852.069đ và yêu cầu chị T phải trả lãi chậm thanh toán theo lãi suất hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận khi bản án của Tòa có hiệu lực.

[4] Về án phí: Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên chị Thanh phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.642.603đ.

[5] Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 174, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính C.

Buộc chị Bùi Kim T phải thanh toán cho Công ty tài chính C số tiền nợ vay gốc là 32.852.069đ.

Chị Bùi Kim T phải chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong khoản nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Chị Bùi Kim T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.642.603đ.

Hoàn trả cho Công ty tài chính C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.370.000đ theo biên lai số 0005212 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3. Công ty tài chính C, chị Bùi Kim T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- CC THADS huyện Long Thành (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trí Hoàng